

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc thanh tra trách nhiệm thủ trưởng trong công tác tiếp công dân, xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo và thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng năm 2020; Thanh tra công tác quản lý tài chính, ngân sách và các công trình xây dựng cơ bản giai đoạn 2017-2020 tại Ủy ban nhân dân xã Song An

Thực hiện Quyết định số 03/QĐ-TTr ngày 05/4/2021 của Chánh Thanh tra thị xã về thanh tra trách nhiệm thủ trưởng trong công tác tiếp công dân, xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo, việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng năm 2020; thanh tra công tác quản lý tài chính, ngân sách và các công trình xây dựng cơ bản giai đoạn 2017-2020 tại Ủy ban nhân dân xã Song An,

Từ ngày 12/4/2021 đến ngày 01/7/2021, Đoàn Thanh tra được thành lập theo Quyết định số 03/QĐ-TTr ngày 05/4/2021 của Chánh Thanh tra thị xã đã tiến hành thanh tra tại Ủy ban nhân dân xã Song An.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 49/BC-ĐTTr ngày 15/7/2021 của Trưởng đoàn thanh tra, ý kiến giải trình của cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra,

Chánh Thanh tra thị xã kết luận như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG

- Xã Song An, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai được điều chỉnh theo Nghị định số 02/NĐ-CP ngày 19/01/2009 của Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính xã, thành lập xã, phường thị xã An Khê, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

- Xã Song An là cửa ngõ phía Đông của thị xã An Khê; có địa giới hành chính: phía Đông giáp huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định; phía Tây giáp phường Ngô Mây, thị xã An Khê; phía Nam giáp xã Ya Hội, huyện Đăk Pơ và phía Bắc giáp phường An Phước, xã Cửu An, thị xã An Khê. Tổng diện tích đất tự nhiên 4.417,07 ha. Dân số hiện nay 1.296 hộ, 4.303 khẩu; được chia thành 05 thôn, 01 làng dân tộc thiểu số Bahnar; trên địa bàn có 05 dân tộc sinh sống: người Kinh (1.214 hộ), Bahnar (76 hộ), Tà Ôi (01 hộ), Mường (02 hộ), Kđong (02 hộ), Khơ Mě (01 hộ).

- Về hạ tầng giao thông:

+ Đường trực xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt 100% (5,211/5,211km).

+ Đường trực thôn, xóm được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt 98,9% (5,325km/5,385km).

+ Đường ngõ xóm: sạch, không lầy lội vào mùa mưa đạt 100%, cứng hóa bằng đỗ cấp phổi, bê tông xi măng đạt 95,1% (2,834km/2,98km)

+ Đường trực chính nội đồng: số km được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện đạt 71,6% (5,4km/7,55km).

- Hạ tầng về thủy lợi và ứng phó biến đổi khí hậu:

+ Trên địa bàn xã có 21 công trình thủy lợi, đa số là các công trình nhỏ lẻ.

+ Các công trình thủy lợi trên địa bàn xã được thiết kế phục vụ cung cấp nước tưới cho 64,5ha diện tích ruộng, năng lực tưới hiện nay là 54,2 ha, đạt 84,03% so với năng lực thiết kế.

+ Các công trình lớn đã được đầu tư nâng cấp gồm: hồ Hòn Ngang, bàu Âu, hồ Hòn Cỏ, đập Đất Khách, bàu Lớn, bàu Chuyện, đầm bảo phát huy năng lực tưới theo thiết kế và công tác phòng chống lũ hàng năm.

+ Tỷ lệ kênh mương được kiên cố hóa đạt 3,5km/5,7km, đạt 60%.

- Tài nguyên rừng và lâm nghiệp:

+ Theo số liệu thống kê đất đai đến ngày 31/12/2020, diện tích rừng tự nhiên trên toàn xã: 7,28ha; rừng lấy gỗ và rừng phòng hộ: 2.164,8ha, chiếm 49% diện tích đất tự nhiên.

+ Tổng diện tích rừng sản xuất: 1.982,71ha, trong đó diện tích hộ gia đình sử dụng 600,55ha; diện tích do Ban Quản lý rừng phòng hộ quản lý: 1.382,16. Sản lượng rừng trồng ước đạt hằng năm là 8.000m³.

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

I. THANH TRA TRÁCH NHIỆM THỦ TRƯỞNG TRONG CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, XÉT, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

Nội dung này đã được kiểm tra và kết luận trong Báo cáo số 109/BC-TTr ngày 30/12/2020 của Chánh Thanh tra thị xã về việc kiểm tra trách nhiệm Thủ trưởng trong công tác tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo và việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng năm 2020 tại Ủy ban nhân dân các xã, phường: Cửu An, Song An, An Phú, An Bình.

Ủy ban nhân dân xã đã có Báo cáo số 22a/BC-UBND ngày 29/01/2021 về kết quả khắc phục trong công tác tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng năm 2020.

II. THANH TRA CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, NGÂN SÁCH VÀ CÁC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CƠ BẢN GIAI ĐOẠN NĂM 2017-2020

1. Công tác quản lý tài chính, ngân sách

1.1. Việc thực hiện thu, chi dự toán ngân sách

(Số liệu chi tiết tại biểu phụ lục 1)

- Từ năm 2017 đến năm 2020, Ủy ban nhân dân xã đã thực hiện việc lập dự toán, phân bổ kinh phí đảm bảo theo dự toán được phê duyệt và quyết toán kinh phí hàng năm theo quy định; các khoản chi đúng mục đích, đúng nguồn kinh phí; chứng từ kê toán, sổ kê toán, báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán được xác lập, nộp và lưu trữ theo quy định tại Quyết định số 94/2005/QĐ-BTC ngày 12/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã (hết hiệu lực từ ngày 01/01/2020) và Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã (có hiệu lực từ ngày 01/01/2020).

- Qua kiểm tra các khoản chi cụ thể, Ủy ban nhân dân xã vẫn còn một số chứng từ lập sai quy định, chưa đảm bảo yêu cầu kê toán:

+ Chi thuê người thực hiện công tác thu hồi đất rừng, giải tỏa hành lang đường bộ tháng 11, 12/2018, tháng 2, 3/2019:

Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 15/12/2017 về tổ chức thu hồi diện tích rừng bị lấn, chiếm để chuyển cây trồng phù hợp mục đích lâm nghiệp trên địa bàn xã Song An giai đoạn 2017-2019; Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 17/01/2018 về giải tỏa hành lang an toàn giao thông đường bộ dọc Quốc lộ 19 trên địa bàn xã Song An. Theo đó, Ủy ban nhân dân xã đã thành lập Ban chỉ đạo thu hồi đất rừng bị lấn, chiếm để chuyển cây trồng phù hợp mục đích lâm nghiệp và trồng rừng, phân công công việc cụ thể cho từng thành viên Ban chỉ đạo (Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã - Trưởng Ban chỉ đạo; Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã - Phó trưởng Ban trực; Kiểm lâm địa bàn, Công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường, các Ban Quản lý rừng phòng hộ trên địa bàn - Phó trưởng Ban chỉ đạo; Trưởng Công an xã, Công chức Tư pháp - Hộ tịch, các thành viên khác - Thành viên Ban chỉ đạo; Công chức Tài chính - Kế toán, Ban Chỉ huy quân sự xã - các thành viên khác); huy động cả hệ thống chính trị, lực lượng, phương tiện tập trung giải tỏa các vi phạm và chống tái lấn, chiếm hành lang an toàn giao thông, xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, là một trong những tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, công chức.

Ngoài ra, tại Báo cáo số 139/BC-UBND ngày 25/6/2018 của Ủy ban nhân dân xã về việc thực hiện giải tỏa hành lang an toàn giao thông đường bộ trên địa bàn xã; Báo cáo số 316/BC-UBND ngày 29/11/2018 của Ủy ban nhân dân xã về tiến độ triển khai thực hiện kế hoạch thu hồi đất rừng bị lấn, chiếm, các phần khó khăn vướng mắc không trình bày hạn chế, thiếu hụt về nhân lực, không có nội dung đề xuất, kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền về việc thuê mướn nhân công thực hiện công tác được giao; Ủy ban nhân dân xã chỉ có phiếu đề xuất thuê khoán phụ việc thực hiện công tác thu hồi đất rừng và giải tỏa hành lang đường bộ, nội dung đề xuất: khoán việc cho 01 người có chuyên môn về đo đạc, am hiểu về đất rừng để thực hiện nhiệm vụ, bộ phận đề xuất: ông Nguyễn Thanh Phú (Công chức Tài chính - Kế toán) và bà Lương Thị Định (Công chức Văn phòng - Thông kê); đề xuất được ông Nguyễn Thanh An - nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã phê duyệt.

Tháng 11, 12/2018, tháng 2, 3/2019, Ủy ban nhân dân xã lập hợp đồng giao khoán với ông Nguyễn Tùng Lâm, địa chỉ: số 1, phường Tây Sơn, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai, nội dung khoán việc: thực hiện các công việc liên quan đến công tác thu hồi đất rừng bị lấn, chiếm trên địa bàn xã Song An theo Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 15/12/2017; giải tỏa hành lang an toàn giao thông đường bộ dọc Quốc lộ 19 trên địa bàn xã Song An theo Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 17/01/2018.

Như vậy, chứng từ kế toán của nội dung chi này được lập không đầy đủ (chứng từ gốc làm cơ sở thanh toán chỉ gồm hợp đồng giao khoán, không có văn bản thể hiện sản phẩm, kết quả thực hiện công việc được khoán), chưa đảm bảo tính pháp lý (đã có Kế hoạch triển khai, thành lập Ban chỉ đạo, huy động cả hệ thống chính trị, lực lượng, phương tiện tập trung làm nhiệm vụ nhưng Ủy ban nhân dân xã lại đề xuất thuê mướn; bộ phận đề xuất không nằm trong thành phần chính của Ban chỉ đạo; không có chủ trương, ý kiến của các cơ quan có thẩm quyền), số tiền: $3.200.000^d \times 4$ tháng = $12.800.000^d$.

+ Chi làm thêm giờ ngày thứ 7 của quý IV/2018: Bảng chấm công và giấy báo làm thêm giờ tháng 11/2018 thể hiện ông Bùi Sỹ Huynh làm 04 giờ, nhưng bảng thanh toán tiền làm thêm giờ tính thời gian được thanh toán là 09 giờ.

Như vậy, Ủy ban nhân dân xã đã thanh toán cho ông Bùi Sỹ Huynh chênh lệch 05 giờ với đơn giá tiền lương là $19.428^d/h$, số tiền: $05^h \times 19.428^d/h \times 200\% = 194.284^d$.

+ Chi làm thêm giờ tháng 11, 12/2020: Bảng chấm công thể hiện có làm thêm giờ vào ngày thứ 5, thứ 6 trong tuần (thuộc trường hợp làm thêm giờ của ngày làm việc bình thường), do đó giờ làm thêm được chi trả theo Điều 97 Bộ luật Lao động năm 2012 quy định về tiền lương làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm là 150%, nhưng bảng thanh toán tiền làm thêm giờ thể hiện mức tính là 200% đơn giá tiền lương của toàn bộ thời gian làm thêm giờ.

Như vậy, Ủy ban nhân dân xã đã thanh toán sai định mức của 10 giờ làm thêm ngày thứ 5, thứ 6 với đơn giá tiền lương là 251.353^d/h, số tiền: 10^h x 50% x 251.353^d/h = 1.256.765^d.

Nhận xét: Ủy ban nhân dân xã đã chi sai định mức, lập chứng từ chi chưa đầy đủ, đảm bảo theo yêu cầu kế toán quy định tại Khoản 3, 4 Điều 5¹ Luật Kế toán năm 2015, tổng số tiền chi sai: 14.251.049^d.

(Chi tiết các chứng từ chi sai tại phụ lục 2)

1.2. Việc thực hiện thu, chi các quỹ công chuyên dùng, các quỹ tài chính khác (Số liệu chi tiết tại biểu phụ lục 3)

- Ủy ban nhân dân xã đã thực hiện việc thu, chi các quỹ công chuyên dùng, các quỹ tài chính khác theo quy định:

+ Hàng năm ban hành Kế hoạch triển khai công tác thu các loại quỹ: vì người nghèo; đèn ơn đáp nghĩa; người cao tuổi; truy thu các khoản đóng góp làm đường bê-tông xi-măng và nhà văn hóa thôn của các hộ dân còn nợ; thu các khoản huy động đóng góp làm các công trình xây dựng cơ bản trên địa bàn xã...

+ Biên lai thu tiền đối với các khoản phí, lệ phí, các loại quỹ, các khoản đóng góp trong dân... được đơn vị lưu giữ đầy đủ theo thứ tự, có bảng kê theo dõi và thực hiện quyết toán biên lai với Phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã, Chi cục Thuế thị xã đúng quy định.

+ Thực hiện quyết toán số liệu thu, chi quỹ công chuyên dùng và các quỹ tài chính khác với Phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã cuối mỗi năm ngân sách.

+ Chứng từ chi các loại quỹ được lập đầy đủ theo từng nội dung chi: hóa đơn; hợp đồng, biên bản nghiệm thu thanh lý; danh sách nhận tiền; giấy đề nghị thanh toán...

- Tuy nhiên, qua kiểm tra nội dung chi hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo năm 2017, phát hiện có sai phạm:

+ Tổng thu từ ngân sách thị xã cấp (thu về tài khoản tiền gửi): 29.314.000^d (lần 1: 20.286.000^d; lần 2: 9.028.000^d).

+ Tổng rút về quỹ tiền mặt (A): 27.904.000^d (lần 1: 18.876.000^d; lần 2: 9.028.000^d).

+ Tồn tại tài khoản tiền gửi: 1.410.000^d.

+ Danh sách chi tiền, tổng chi (B): 27.195.000^d.

Như vậy, chênh lệch tiền rút về và tiền thực hiện phát: (A)-(B)=709.000^d. Trong đó: kế toán lập chứng từ rút dư: 648.000^d (đã giao cho thủ quỹ); thủ quỹ chi cấp phát thừa: 61.000^d. Từ năm 2017 đến thời điểm thanh tra, cá nhân thủ quỹ đơn vị là bà Lê Thị

¹ Khoản 3 Điều 5: Phản ánh rõ ràng, dễ hiểu và **chính xác** thông tin, số liệu kế toán.

Khoản 4 Điều 5: Phản ánh trung thực, **khách quan hiện trạng**, **bản chất sự việc**, nội dung và giá trị của nghiệp vụ kinh tế, tài chính.

Bích Thủy, công chức Văn hóa – Xã hội vẫn cất giữ toàn bộ số tiền 709.000^đ, chưa nộp trả lại tài khoản tiền gửi của đơn vị để theo dõi, nộp lại ngân sách theo quy định, sổ quỹ tiền mặt của đơn vị thể hiện số chi khớp số rút, sổ tiền gửi chỉ thể hiện số tiền 1.410.000^đ là số dư cuối năm 2017 chuyển sang năm 2018.

Nhận xét:

- Bà Lê Thị Bích Thủy – thủ quỹ đơn vị, có hành vi nắm giữ, sử dụng tài sản công mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

- Ông Nguyễn Thanh Phú – nguyên công chức Tài chính - Kế toán xã, sau khi lập thủ tục rút tiền về quỹ cơ quan để thủ quỹ chi tiền cho các đối tượng thì không thu hồi danh sách ký nhận tiền từ thủ quỹ để rà soát, đối chiếu số tiền thực cấp với số tiền đã rút về quỹ, do đó không kịp thời phát hiện số dư, lập thủ tục nộp trả kinh phí theo quy định.

- Ủy ban nhân dân xã Song An chưa nộp trả ngân sách kinh phí chi hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo năm 2017 còn thừa, **số tiền: 709.000^đ**.

2. Các dự án khuyến nông, hỗ trợ con giống cho các hộ nghèo, cận nghèo

(Số liệu chi tiết tại biểu phụ lục 4)

2.1. Dự án khuyến nông năm 2019 “Khôi phục và phát triển cây sim bản địa phục vụ phát triển kinh tế xã Song An”

Ủy ban nhân dân xã thực hiện đúng đối tượng, nội dung theo Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông; quy trình thủ tục hồ sơ được lập đầy đủ: Quyết định phê duyệt thuyết minh dự án và dự toán, quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, đăng tải thông tin lên mạng đấu thầu quốc gia, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng, ký kết hợp đồng đầu tư, nghiệm thu và thanh lý hợp đồng.

Thời gian thực hiện dự án từ tháng 9/2019 đến tháng 9/2020. Tuy nhiên, đến ngày 26/10/2020, Ủy ban nhân dân xã Song An có Báo cáo số 356/BC-UBND về việc phát hiện vật liệu nổ trên địa bàn xã Song An nên dự án tạm dừng. Ngày 30/12/2020, Ủy ban nhân dân xã có Báo cáo số 449/BC-UBND, theo đó, dự án đã triển khai trồng được 1,4 ha, hồ sơ thanh toán 100% vốn ngân sách nhà nước, với tổng kinh phí 181.034.000^đ (có danh sách các hộ nhận giống, vật tư kèm theo); còn lại diện tích 0,6 ha chưa trồng, các hộ cam kết tiếp tục đối ứng vốn của dân, số tiền: 99.186.000^đ để trồng khi có chủ trương cho tiếp tục triển khai dự án.

2.2. Dự án hỗ trợ dê giống cho các hộ cận nghèo tại làng Pôt – xã Song An năm 2020; Dự án hỗ trợ con giống cho các hộ nghèo, cận nghèo tại làng Pôt – xã Song An năm 2019.

Ủy ban nhân dân xã thực hiện đúng đối tượng, nội dung, định mức theo Nghị quyết số 94/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về một số nội dung về quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững (CTMTQGGNBV) giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc CTMTQGGNBV giai đoạn 2016-2020.

Quy trình thủ tục hồ sơ được lập theo Điều 6 Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Về kinh phí:

+ Dự án hỗ trợ dê giống cho các hộ cận nghèo tại làng Pốt năm 2020: Tổng kinh phí 72.250.000^d (*vốn ngân sách Nhà nước: 55.000.000^d, vốn đối ứng của dân: 17.250.000^d*); mua 15 con dê hỗ trợ cho 3 hộ cận nghèo đồng bào dân tộc thiểu số, đã thanh toán.

+ Dự án hỗ trợ con giống cho các hộ nghèo, cận nghèo lại làng Pốt năm 2019: Tổng kinh phí 262.000.000^d (*vốn ngân sách Nhà nước: 220.000.000^d, vốn đối ứng của dân: 42.000.000^d*); mua 14 con bò cái giống sinh sản hỗ trợ cho 01 hộ nghèo và 13 hộ cận nghèo, đã thanh toán.

3. Các công trình xây dựng cơ bản

(*Số liệu chi tiết tại biểu phụ lục 5*)

3.1. Tình hình chung

Trong giai đoạn năm 2017-2020, Ủy ban nhân dân đã tổ chức thi công, thực hiện thanh toán các công trình xây dựng cơ bản, tổng cộng: 9.799.953.000^d.

Đến ngày 31/12/2020, nợ phải trả về xây dựng cơ bản là: 1.461.808.000^d (*trong đó: vốn góp của dân là 1.428.823.000^d; vốn ngân sách nhà nước là 32.985.000^d*).

Kết quả thu đóng góp của Nhân dân để xây dựng các công trình từ năm 2017 đến năm 2020 như sau:

Năm	Khoản	Đơn vị tính: đồng
		Vốn đóng góp của Nhân dân để đầu tư các công trình xây dựng cơ bản
2017		47.000.000
2018		27.125.000
2019		8.775.000
2020		35.186.318
Cộng		118.086.318

3.2. Kết quả thanh, kiểm tra hồ sơ, xác minh thực tế các công trình cụ thể

3.2.1. Công tác phân bổ nguồn vốn, huy động vốn do Nhân dân đóng góp

- Công trình Nghĩa trang nhân dân xã (hạng mục: đường vào, san nền, cọc tiêu cắm mốc) chưa có phương án huy động vốn góp của Nhân dân, dẫn đến không thu được nợ trong dân để trả chi phí xây dựng công trình, số tiền: 43.700.000^d/43.700.000^d.

- Các công trình có phương án huy động vốn trong dân được lập sau khi đã hoàn thành thi công, do đó không thu được nợ trong dân để trả đơn vị thi công, gồm:

- + Đường đi Bàu Âu: số tiền chưa thu được là 269.958.000^d/269.958.000^d.
- + Đường nội đồng từ quốc lộ 19 đi khu sản xuất phía sau Ủy ban nhân dân xã: số tiền chưa thu được là 15.364.000^d/45.000.000^d.
- + Đường nội đồng từ quốc lộ 19 đi khu sản xuất hướng Hòn Bình: số tiền chưa thu được là 20.041.000^d/24.000.000^d.
- + Kênh mương hồ Hòn Cỏ: số tiền chưa thu được là 88.500.000^d/88.500.000^d.
- + Kênh mương Đập Khách (giai đoạn 1): số tiền chưa thu được là 46.000.000^d/46.000.000^d.

- + Kênh mương Đập Bụng: số tiền chưa thu được là $45.000.000^d/45.000.000^d$.
- + Kênh mương Đập Đất Khách (giai đoạn 2): số tiền chưa thu được là $78.600.000^d/78.600.000^d$.
- + Đường đi Hồ Hòn Cỏ (đoạn tiếp theo): số tiền chưa thu được là $83.300.000^d/83.300.000^d$. Trong Biên bản họp dân ngày 10/8/2018 chưa thể hiện ý kiến đồng thuận của Nhân dân.
- + Đường đi đập Đất Khách (đoạn tiếp theo): số tiền chưa thu được là $65.000.000^d/65.000.000^d$. Không có Biên bản họp dân.
- + Đường nội đồng từ quốc lộ 19 đi Bàu Trữ: số tiền chưa thu được là $36.000.000^d/36.000.000^d$.

Nhận xét:

- Căn cứ Điều 10, Điều 17 Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, “Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp về chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng trong phạm vi cấp xã, thôn, tổ dân phố do Nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí”; “Ủy ban nhân dân cấp xã lập, thông qua kế hoạch thực hiện những nội dung Nhân dân bàn và quyết định”; “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm lập biên bản tổng hợp kết quả về những nội dung đã đưa ra Nhân dân toàn cấp xã bàn và quyết định”. Như vậy, việc Ủy ban nhân dân xã Song An không lập và thông qua phương án huy động nguồn đóng góp của Nhân dân trước khi tiến hành thi công các công trình thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (CTMTQGXDNTM) giai đoạn 2016-2020 của Thủ tướng Chính phủ là sai quy định.

- Kết quả: số kinh phí không thu được từ Nhân dân đóng góp trên tổng nợ phải trả về xây dựng cơ bản giai đoạn 2017-2020 là $1.428.823.000^d/1.461.808.000^d$, chiếm 97,74% tổng nợ phải trả.

3.2.2. Kết quả kiểm tra hồ sơ lập dự toán, thẩm định, thanh toán, quyết toán các công trình cụ thể

a) Kết quả kiểm tra việc lập hồ sơ công trình:

- Đường đi Hồ Hòn Cỏ (đoạn tiếp theo):
- + Đơn vị lập hồ sơ xây dựng: Ban quản lý các Chương trình mục tiêu quốc gia xã Song An.

Hồ sơ xây dựng không có: bảng tính khôi lượng chi tiết, bảng tổng hợp vật tư (phần nhân công và máy thi công), bảng cự ly vận chuyển vật liệu đến chân công trình.

- + Không có hồ sơ thẩm định dự toán xây dựng công trình.
- + Về công tác đấu thầu: không có báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu, biên bản thương thảo hợp đồng.

Hợp đồng có thời gian bảo hành công trình là 12 tháng nhưng không có điều khoản tạm giữ tiền bảo hành.

- + Đơn vị thi công: Nhóm thợ xã Song An do ông Nguyễn Văn Ninh làm đại diện.

Hồ sơ hoàn công: toàn bộ biên bản nghiệm thu công việc xây dựng không có số biên bản; đại diện Ban giám sát cộng đồng chưa ký vào biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình ngày 24/9/2019.

- Đường đi đập Đất Khách (đoạn tiếp theo):

+ Đơn vị lập hồ sơ xây dựng: Ban quản lý các Chương trình mục tiêu quốc gia xã Song An.

Hồ sơ xây dựng không có: bảng tính khối lượng chi tiết, bảng dự toán phần công hộc 75x75, bảng tổng hợp vật tư (phần nhân công và máy thi công), bảng cự ly vận chuyển vật liệu đến chân công trình.

+ Không có hồ sơ thẩm định dự toán xây dựng công trình.

+ Về công tác đấu thầu: không có báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu, biên bản thương thảo hợp đồng xây dựng.

+ Đơn vị thi công: Nhóm thợ xã Song An do ông Nguyễn Văn Ninh làm đại diện.

Hồ sơ hoàn công: toàn bộ biên bản nghiệm thu chưa ghi tên của giám sát cộng đồng; đại diện Chủ đầu tư chưa ký vào biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình ngày 24/9/2019.

b) Kết quả kiểm tra định mức xây dựng dự toán, công tác thẩm định của các công trình như sau:

+ Công trình đường nội đồng từ quốc lộ 19 đi khu sản xuất phía sau Ủy ban nhân dân xã: Giảm trừ quyết toán giấy dầu: $1.008m^2 \times 2.000 \text{ đồng}/m^2 = 2.016.000^d$ (giá giấy dầu tại thời điểm tháng 5/2019 là 5.000 đồng/m², không phải 7.000 đồng/m² theo hồ sơ thể hiện).

+ Công trình đường nội đồng từ quốc lộ 19 đi khu sản xuất hướng Hòn Bình: Giảm trừ quyết toán giấy dầu: $400,16m^2 \times 2.000 \text{ đồng}/m^2 = 800.000^d$ (giá giấy dầu tại thời điểm tháng 5/2019 là 5.000 đồng/m², không phải 7.000 đồng/m² theo hồ sơ thể hiện).

+ Công trình kênh mương hồ Hòn Cỏ: Giảm trừ quyết toán: $102.501.000^d$. Lý do: Xác định cự ly vận chuyển chưa đúng quy định tại Thông tư số 10/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc ban hành định mức xây dựng.

+ Công trình kênh mương Đập Khách (giai đoạn 1): Giảm trừ quyết toán giấy dầu: $19.063.000^d$. Lý do: áp dụng sai mã hiệu định mức ván khuôn kênh mương.

+ Công trình kênh mương Đập Bụng: Giảm trừ quyết toán: $64.707.000^d$. Lý do: Xác định cự ly vận chuyển chưa đúng quy định tại Thông tư số 10/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc ban hành định mức xây dựng.

+ Công trình kênh mương Đập Khách (giai đoạn 2): Giảm trừ quyết toán: $97.648.000^d$. Lý do: Xác định cự ly vận chuyển chưa đúng quy định tại Thông tư số 10/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc ban hành định mức xây dựng.

+ Công trình đường đi đập Đất Khách (đoạn tiếp theo): Giảm trừ quyết toán $9.659.000^d$. Lý do: tính thừa gỗ khe co, giãn và nhựa đường chèn khe tính trùng định mức.

(Chi tiết tại các biểu phụ lục 6a, 6b, 6c, 6d, 6e, 6f, 6g)

c) Kết quả làm việc trực tiếp cùng đại diện Ủy ban nhân dân xã, gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, bà Nguyễn Thị Nga (Công chức Địa chính – Nông nghiệp – Xây dựng và Môi trường), công chức Tài chính – Kế toán; ông Nguyễn Thanh An (nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã); đại diện các nhóm thợ địa phương thi công các công trình xây dựng trên địa bàn xã giai đoạn 2017-2020, xác nhận toàn bộ hồ sơ các

công trình nêu trên do ông Nguyễn Thanh An tự lập, bà Nguyễn Thị Nga ký người lập, nhóm thợ địa phương thi công công trình, ứng vốn từ các Công ty xây dựng thông qua việc cung cấp nguyên, vật liệu, nhờ Công ty tư vấn xây dựng thực hiện thẩm tra hồ sơ công trình, không trả tiền công; thống nhất giá trị giảm trừ các công trình, tổng số tiền chi sai định mức: 296.394.000^d; thống nhất loại trừ chi phí thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập (4,5% tiền vật liệu, nhân công, máy thi công) ra khỏi giá trị giảm trừ, tổng số tiền thuế: 63.630.000^d.

Nhận xét:

- Như vậy, Ủy ban nhân dân xã đã lập, phê duyệt dự toán không đảm bảo quy định, tăng giá trị các công trình, do áp sai giá định mức, mã hiệu định mức, tính khối lượng và cự ly vận chuyển không hợp lý, tổng số tiền đã chi sai sau khi tính giảm trừ chi phí thuế là: 232.764.000^d.

Căn cứ Biểu quy định mức hỗ trợ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước thực hiện CTMTQGXDNTM giai đoạn 2018-2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 57/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh Gia Lai, trong đó NSNN hỗ trợ đối tượng 3: 85%, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác: 15%, số tiền đã chi sai được tách theo tỷ lệ % như sau:

- + Giảm trừ nợ phải trả nhà thầu xây dựng tiền trong dân: 44.458.000^d.
- + Thu hồi từ nhà thầu xây dựng về ngân sách Nhà nước: 188.306.000^d.

(Bảng chi tiết số liệu giảm trừ giá trị các công trình tại biểu phụ lục 6)

- Có 02 hồ sơ lập chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 8 Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020.

3.2.3. Kết quả kiểm tra, xác minh hiện trạng các công trình

+ Đường đi Bàu Áu: mặt đường đắp đất đồi chọn lọc hàm lượng đất sét nhiều hơn hàm lượng hạt, do đó vào mùa mưa mặt đường bị lầy lội, xuất hiện nhiều vệt bánh xe sâu hơn so với mặt đường.

+ Đường đi Hồ Hòn Cỏ (đoạn tiếp theo): công trình xuất hiện vết nứt dọc tuyến đường với chiều dài 75m, trong đó khoảng 50m có vết nứt rộng đến 4cm và nhiều tấm bê tông bị nứt ngang tấm không theo kỹ thuật.

Sau khi kiểm tra hiện trạng, Ủy ban nhân dân xã đã liên hệ nhà thầu xây dựng khắc phục ngay các lỗi hư hỏng. Đơn vị thi công đã tiến hành sửa chữa. Ngày 15/7/2021, Ủy ban nhân dân xã đã lập Báo cáo số 170/BC-UBND về việc thực hiện khắc phục sửa chữa công trình bị hư hỏng.

+ Đường từ nhà bà Đinh Thị Lót đi khu sản xuất: lè đường K95 tại thời điểm kiểm tra bị xói lở một vài vị trí.

+ Đường từ nhà ông Đinh Phước đi khu sản xuất: do phần ốp mái taluy giáp với mặt đường bê tông xi măng không có cọc tiêu cảnh báo; quá trình xe lưu thông, tránh nhau, xe đi trên mặt ốp đá hộc dẫn đến hư hỏng phần ốp mái taluy giáp với mặt đường bê tông xi măng.

+ Đường từ nhà rông Làng Pốt đi sân bóng đá: công tác nạo vét mương chưa được đảm bảo.

+ Đường từ nhà ông Đinh Ghib đi qua nhà ông Đinh Soen: một số vị trí của lề đường bị sạt lở.

C. KẾT LUẬN

I. THANH TRA TRÁCH NHIỆM THỦ TRƯỞNG TRONG CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, XÉT, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

Nội dung này đã được kiểm tra và có kết luận trong Báo cáo số 109/BC-TTr ngày 30/12/2020 của Thanh tra thị xã về việc kiểm tra trách nhiệm Thủ trưởng trong công tác tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo và việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng năm 2020 tại Ủy ban nhân dân các xã, phường: Cửu An, Song An, An Phú, An Bình.

Ủy ban nhân dân xã đã có Báo cáo số 22a/BC-UBND ngày 29/01/2021 về kết quả khắc phục trong công tác tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng năm 2020.

II. THANH TRA CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, NGÂN SÁCH VÀ CÁC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CƠ BẢN GIAI ĐOẠN NĂM 2017-2020

1. Ủy ban nhân dân xã đã thanh toán sai định mức, lập chứng từ chi chưa đầy đủ, đảm bảo theo yêu cầu kê toán quy định tại Khoản 3, 4 Điều 5 Luật Kế toán năm 2015, **tổng số tiền chi sai: 14.251.049^d**, cụ thể:

- Chi thuê người thực hiện công tác thu hồi đất rừng, giải tỏa hành lang đường bộ tháng 11, 12/2018, tháng 2, 3/2019, số tiền chi sai: 12.800.000^d.
- Chi làm thêm giờ ngày thứ 7 của quý IV/2018, số tiền chi sai: 194.284^d.
- Chi làm thêm giờ tháng 11, 12/2020, số tiền chi sai: 1.256.765^d.

Trách nhiệm thuộc về: công chức Tài chính - Kế toán xã và lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã.

2. Ủy ban nhân dân xã chưa nộp trả ngân sách kinh phí chi hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo năm 2017 còn thừa, **số tiền: 709.000^d**.

Trong đó, bà Lê Thị Bích Thủy có hành vi nắm giữ, sử dụng tài sản công mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép, số tiền: 709.000^d.

Ông Nguyễn Thanh Phú thiếu sót trong việc không kịp thời thu hồi danh sách ký nhận tiền từ thủ quỹ để rà soát, đối chiếu số tiền thực cấp với số tiền đã rút về quỹ; không phát hiện số dư, lập thủ tục nộp trả kinh phí theo quy định.

3. Trong công tác đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn năm 2017-2020,

3.1. Ủy ban nhân dân xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã đã vi phạm việc thực hiện dân chủ trong thi công các công trình thuộc CTMTQGXDNTM: không xây dựng Phương án huy động nguồn đóng góp của Nhân dân, Kế hoạch tổ chức thu để thông qua, lấy ý kiến của Nhân dân trước khi tiến hành thi công các công trình trên địa bàn, dẫn đến nợ phải trả về xây dựng cơ bản hiện nay là 1.461.808.000^d, trong đó nợ từ nguồn vốn góp của dân chiếm 97,74% tổng nợ phải trả; vi phạm Điều 17 Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

Trách nhiệm thuộc về: tập thể Ủy ban nhân dân xã, ông Nguyễn Thanh An và các công chức chuyên môn đã được giao nhiệm vụ tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã, Chủ

tịch Ủy ban nhân dân xã trong công tác xây dựng Phuong án huy động nguồn đóng góp của Nhân dân, Kế hoạch tổ chức thu.

3.2. Ủy ban nhân dân xã đã lập, phê duyệt dự toán không đảm bảo quy định - tăng giá trị các công trình xây dựng, do áp sai giá định mức, mã hiệu định mức, tính khối lượng và cự ly vận chuyển không hợp lý, **tổng số tiền đã chi sai – tăng giá trị công trình là: 232.764.000^d**, trong đó: phần chi tăng thuộc vốn góp của dân: 44.458.000^d; phần chi tăng thuộc vốn ngân sách Nhà nước: 188.306.000^d.

Trách nhiệm thuộc về: ông Nguyễn Thanh An và công chức chuyên môn đã được giao nhiệm vụ tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã trong thực hiện nhiệm vụ.

3.3. Ủy ban nhân dân xã có 02 công trình được lập hồ sơ chưa đảm bảo yêu cầu trong công tác lập, thẩm định hồ sơ xây dựng công trình, tổ chức, giám sát thi công và nghiệm thu công trình theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 8 Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020; cụ thể: công trình đường đi Hồ Hòn Cỏ (đoạn tiếp theo) và công trình đường đi đập Đất Khách (đoạn tiếp theo).

Trách nhiệm thuộc về: ông Nguyễn Thanh An và bà Nguyễn Thị Nga (công chức chuyên môn đã được giao nhiệm vụ tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã trong thực hiện nhiệm vụ).

3.4. Có 06 công trình thi công chưa đạt chất lượng, chưa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật cần phải khắc phục (chi tiết tại mục 3.2.3 - *Kết quả kiểm tra, xác minh hiện trạng các công trình*).

D. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

I. XỬ LÝ VỀ TÀI CHÍNH

1. Yêu cầu Ủy ban nhân dân xã tổ chức thu hồi, nộp vào ngân sách nhà nước (qua tài khoản tạm giữ của Thanh tra thị xã, số tài khoản: 3949.0.1092119.00000, tại Kho bạc Nhà nước thị xã An Khê), tổng số tiền sai phạm: **203.266.049^d** (*bằng chữ: Hai trăm linh ba triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn không trăm bốn mươi chín đồng*), là các khoản tiền chi sai cụ thể như sau:

- Chi sai định mức tính lương làm thêm giờ; lập chứng từ chi thuê khoán chưa rõ ràng, đảm bảo theo yêu cầu kế toán quy định tại Khoản 3, 4 Điều 5 Luật Kế toán năm 2015, số tiền: **14.251.049^d**.

- Kinh phí chi hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo năm 2017 còn thừa chưa nộp trả ngân sách, số tiền: **709.000^d**.

- Kinh phí đã chi sai, làm tăng giá trị công trình do áp sai giá định mức, mã hiệu định mức, tính khối lượng và cự ly vận chuyển không hợp lý, số tiền: **188.306.000^d**.

Thời hạn hoàn thành: **trước ngày 30/11/2021**.

2. Yêu cầu Ủy ban nhân dân xã làm việc cùng các đơn vị thi công các công trình tại phụ lục 6 để giảm trừ công nợ phải trả về xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn huy động đóng góp của Nhân dân, tổng số tiền: **44.458.000^d**.

II. XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM

Yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã tổ chức họp kiểm điểm, xác định rõ trách nhiệm của tập thể và từng cá nhân có liên quan về những thiếu sót, sai phạm như đã nêu tại Phần Kết luận. Trên cơ sở tính chất, mức độ, hành vi vi phạm trong công tác: quản lý, sử dụng tài chính, thu – chi ngân sách; thực hiện dân chủ trong thi công các công trình xây dựng cơ bản thuộc CTMTQGXDNTM; lập, phê duyệt dự toán, thẩm định hồ sơ xây dựng công trình, tổ chức, giám sát thi công và nghiệm thu công trình giai đoạn năm 2017-2020, Ủy ban nhân dân xã xem xét, xử lý theo quy định.

III. XỬ LÝ KHÁC

Yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Song An:

1. Xây dựng kế hoạch khắc phục các khoản huy động, đóng góp của Nhân dân trong xây dựng cơ bản đối với các công trình đã hoàn thành giai đoạn 2017-2020, số tiền: **1.428.823.000^d**.

2. Khắc phục các công trình chưa đạt chất lượng, chưa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật nêu tại Mục 3.2.3 Báo cáo này.

Trên đây là Kết luận của Chánh Thanh tra thị xã về việc thanh tra trách nhiệm thủ trưởng trong công tác tiếp công dân, xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo và thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng năm 2020; thanh tra công tác quản lý tài chính, ngân sách và các công trình xây dựng cơ bản giai đoạn 2017-2020 tại Ủy ban nhân dân xã Song An./.

Noi nhận:

- Thanh tra tỉnh;
- Thường trực Thị ủy;
- Thường trực HĐND thị xã;
- CT, PCT UBND thị xã;
- UBKT Thị ủy;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch thị xã;
- Phòng Nội vụ thị xã;
- Phòng Kinh tế thị xã;
- Phòng Quản lý đô thị thị xã;
- Thanh tra thị xã;
- UBND xã Song An;
- Thành viên ĐTTr;
- Lưu: VT, Hồ sơ ĐTTr.



Nguyễn Trần Quốc Tuấn

UBND THỊ XÃ AN KHÊ
THANH TRA THỊ XÃ

Phụ lục 1



SỐ LIỆU VỀ THU, CHI NGÂN SÁCH

(Theo quyết toán của đơn vị đã được Phòng Tài chính – Kế hoạch thị xã thẩm định)
(Kèm theo Kết luận thanh tra số 02/KL-TTr ngày 23/7/2021 của Chánh Thanh tra thị xã)

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
+ Thu ngân sách:				
Trong đó:				
- Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	1.072.372.316	711.188.163	1.466.607.316	1.574.623.342
- Bổ sung từ ngân sách cấp trên	6.264.165.000	6.873.299.000	5.855.093.000	7.954.890.000
- Thu chuyển nguồn	134.609.000	100.000.000	888.751.000	671.761.764
- Thu kết dư ngân sách		1.432.865.812	1.647.498.133	2.373.458.096
+ Chi ngân sách:	6.038.280.504	7.469.854.842	7.484.491.353	9.103.779.063
Trong đó:				
- Chi đầu tư phát triển	507.838.000	1.853.500.000	1.660.815.000	3.124.633.000
- Chi thường xuyên	5.226.240.504	4.386.003.842	5.151.914.589	5.720.727.378
- Chi dự phòng	0	11.000.000	0	58.000.000
- Chi từ nguồn để lại quản lý qua ngân sách	0	0	0	0
- Chi chuyển nguồn	100.000.000	888.751.000	671.761.764	75.328.085
- Chi nguồn sự nghiệp NTM	179.000.000	0	0	0
- Chi nộp ngân sách cấp trên	25.202.000	0	0	125.090.600
- Chi bổ sung có mục tiêu	0	330.600.000	0	0
Kết dư cuối kỳ	1.432.865.812	1.647.498.133	2.373.458.096	3.470.954.139

UBND THỊ XÃ AN KHÊ
THÀNH TRA THỊ XÃ



CHI TIẾT CÁC CHÚNG TỪ CHI SAI ĐỊNH MỨC, QUY ĐỊNH
(Kết theo Kết luận thanh tra số 02/KL-TTr ngày 23/7/2021 của Chánh Thanh tra thị xã)

STT	Ngày, tháng, năm chứng từ	Nội dung	Chứng từ thanh toán	Tổng số tiền đã thanh toán (đồng)	Số tiền chi không đúng quy định (đồng)	Lý do
1	15/01/2019	Chi làm thêm giờ ngày thứ 7 (quý IV/2018)	Bảng chấm công, giấy báo làm thêm giờ, bảng thanh toán ngoài giờ	9.983.675	194.284	Bảng chấm công và giấy báo làm thêm giờ tháng 11/2018 thể hiện ông Bùi Sỹ Huynh làm 04 giờ, nhưng bảng thanh toán tiền làm thêm giờ tính thời gian được thanh toán là 09 giờ
2	11/12/2018	Thuê người thực hiện công tác thu hồi đất rừng, giải tỏa hàng lang đường bộ cho UB	Hợp đồng giao khoán	3.200.000	3.200.000	Chứng từ kê toán của nội dung chi này được lập không đầy đủ, chưa đảm bảo tính pháp lý
3	10/01/2019	Thuê người thực hiện công tác thu hồi đất rừng, giải tỏa hàng lang đường bộ cho UB	Hợp đồng giao khoán	3.200.000	3.200.000	Chứng từ kê toán của nội dung chi này được lập không đầy đủ, chưa đảm bảo tính pháp lý

		Bảng chấm công, giấy báo làm thêm giờ, bảng thanh toán ngoài giờ		Bảng chấm công thể hiện có làm thêm giờ vào ngày thứ 5, thứ 6 trong tuần (thuộc trường hợp làm thêm giờ của ngày làm việc bình thường), do đó giờ làm thêm được chi trả theo Điều 97 Bộ luật Lao động năm 2012 quy định về tiền lương làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm là 150%, nhưng bảng thanh toán tiền làm thêm giờ thể hiện mức tính là 200% đơn giá tiền lương của toàn bộ thời gian làm thêm giờ
4	25/01/2021	Chi làm thêm giờ (T11.12/2020)	5.027.057	1.256.765
5	22/02/2019	Thuê người thực hiện công tác thu hồi đất rừng, giải tỏa hàng lang đường bộ cho UB	Hợp đồng giao khoán	3.200.000
6	22/03/2019	Thuê người thực hiện công tác thu hồi đất rừng, giải tỏa hàng lang đường bộ cho UB	Hợp đồng giao khoán	3.200.000
7	2017	Chi hỗ trợ tiền điện hộ nghèo		27.904.000
		Tổng cộng	55.714.732	14.960.049

SỔ LIỆU THU, CHI CÁC QUỸ CÔNG CHUYÊN DÙNG
(Kèm theo Kết luận thanh tra số 02/KL-TTr ngày 23/7/2021 của Chánh Thanh tra thị xã)

Đơn vị tính: đồng

Năm	Loại quỹ	Số dư ĐK	Thu	Chi	Số dư CK
2017					
- Quỹ an ninh quốc phòng	6.103.000	0	6.103.000	0	
- Quỹ đèn ơn đáp nghĩa	6.172.000	16.813.000	3.800.000	19.185.000	
- Vì người nghèo	17.401.400	14.380.000	0	31.781.400	
- Quỹ người cao tuổi	9.724.000	15.780.000	7.900.000	17.604.000	
2018					
- Quỹ đèn ơn đáp nghĩa	19.185.000	7.980.000	1.800.000	25.365.000	
- Vì người nghèo	31.781.400	15.470.450	15.300.000	31.951.850	
- Quỹ người cao tuổi	17.604.000	7.940.000	8.080.000	17.464.000	
2019					
- Quỹ đèn ơn đáp nghĩa	25.365.000	11.960.000	19.500.000	17.825.000	
- Vì người nghèo	31.951.850	12.000.000	36.000.000	7.951.850	
- Quỹ người cao tuổi	17.464.000	12.020.000	18.930.000	10.554.000	
2020					
- Quỹ đèn ơn đáp nghĩa	17.825.000	11.240.000	15.800.000	13.265.000	
- Vì người nghèo	7.951.850	11.340.000	6.290.000	19.291.850	
- Quỹ người cao tuổi	10.554.000	11.780.000	6.290.000	16.044.000	

SƠ LIỆU THU, CHI CÁC QUỸ TÀI CHÍNH KHÁC
 (Kèm theo Kết luận thanh tra số 02/KL-TTr ngày 23/7/2021 của Chánh Thanh tra thị xã)



Đơn vị tính: đồng

Năm	Loại quỹ	Số dư ĐK	Thu	Chi	Số dư CK
2017					
- Phí chợ	828.000	0	828.000	0	0
- Quỹ hộ trợ tiền điện hộ nghèo	0	29.314.000	27.904.000	1.410.000	0
- Thu lao 5% thuê nhà đất	0	2.899.036	2.899.036	0	0
- Quỹ thai sản	0	26.000.000	26.000.000	0	0
- Quỹ người có công CM	0	110.000.000	110.000.000	0	0
- Quỹ dịch vụ môi trường	61.300.833	4.159.000	2.123.000	63.336.833	0
- Trích phí lê phí địa chính	2.884.000	0	2.884.000	0	0
- Tiền BQL các công trình thủy lợi tại xã	130.000	0	130.000	0	0
Tiền thuê trạm phát sóng Viettel	0	40.560.000	22.308.000	18.252.000	0
- Kinh phí hoạt động công tác Đảng	0	10.000.000	0	10.000.000	0
2018					
- Phí chợ	0	58.320.000	1.039.900	57.280.100	0
- Quỹ hộ trợ tiền điện hộ nghèo	1.410.000	8.526.000	0	9.936.000	0
- Quỹ thai sản	0	1.950.000	1.950.000	0	0
- Quỹ người có công CM	0	60.000.000	60.000.000	0	0
- Quỹ dịch vụ môi trường	63.336.833	1.203.000	49.140.000	15.399.833	0
- Tiền BQL các công trình thủy lợi tại xã	16.672.000	2.020.000	0	18.692.000	0
Tiền thuê trạm phát sóng Viettel	18.252.000	0	0	18.252.000	0
- Kinh phí hoạt động công tác Đảng	10.000.000	0	3.015.000	6.985.000	0
- Quỹ tuyên truyền phòng cháy rùng	0	2.000.000	2.000.000	0	0
- Kinh phí huy động lâm đường giao thông	0	23.425.000	12.000.000	11.425.000	0
- Kinh phí huy động xây dựng nhà văn hóa thôn	3.700.000	0	0	3.700.000	0
2019					
- Phí chợ	57.280.100	1.000.000	56.280.100	0	0
- Quỹ hộ trợ tiền điện hộ nghèo	9.936.000	16.464.000	24.990.000	1.410.000	0
- Quỹ thai sản	0	27.676.400	27.676.400	0	0
- Quỹ người có công CM	0	35.000.000	35.000.000	0	0
- Quỹ dịch vụ môi trường	15.399.833	8.227.000	4.197.000	19.429.833	0
- Tiền BQL các công trình thủy lợi tại xã	18.692.000	3.755.000	2.721.000	19.286.000	0
Tiền thuê trạm phát sóng	18.252.000	0	0	18.252.000	0

Viettel				
- Kinh phí hoạt động công tác Đảng	6.985.000	6.985.000	0	0
- Quỹ tuyên truyền phòng cháy rừng	0	2.000.000	2.000.000	0
- Kinh phí huy động làm đường giao thông	11.425.000	0	0	11.425.000
- Kinh phí huy động xây dựng nhà văn hóa thôn	3.700.000	0	0	3.700.000
- Thủ lao 5% thuế nhà đất	2.043.625	0	1.949.498	94.127
- Hỗ trợ điều tra dân số		3.000.000	3.000.000	
- Huy động làm đường bê tông		6.875.000		6.875.000
- Huy động làm trụ sở		1.900.000		1.900.000
2020				
- Phí chợ	56.280.100	0	3.380.000	52.900.100
- Quỹ hộ trợ tiền điện hộ nghèo	1.410.000	27.048.000	26.313.000	2.145.000
- Quỹ dịch vụ môi trường	19.429.833	110.000		19.539.833
- Tiền BQL các công trình thủy lợi tại xã	19.286.000	0	17.440.000	1.846.000
Tiền thuê trạm phát sóng	18.252.000	0	0	18.252.000
Viettel				
- Quỹ tuyên truyền phòng cháy rừng	0	2.000.000	0	2.000.000
- Kinh phí huy động làm đường giao thông	11.425.000	0	0	11.425.000
- Kinh phí huy động xây dựng nhà văn hóa thôn	3.700.000	0	0	3.700.000
- Thủ lao 5% thuế nhà đất	0	629.182	629.182	0
- Huy động làm đường bê tông	6.875.000	37.946.001	0	44.821.001
- Huy động làm trụ sở	1.900.000	1.200.000	0	3.100.000
- Hỗ trợ do covid	0	115.000.000	115.000.000	0

UBND THỊ XÃ AN KHÊ
THÀNH TRẠM THỊ XÃ
DANH SÁCH TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG, HỖ TRỢ CON GIỐNG CHO CÁC HỘ NGHÈO, CÂN NGHÈO GIAI ĐOẠN NĂM 2017-2020



(Kèm theo Kết luận thanh tra số 02/KL-TTr ngày 23/7/2021 của Chánh Thanh tra thị xã)

Đơn vị tính: đồng

STT	Dự án	Năm bắt đầu thực hiện	Tổng kinh phí dự án		Kinh phí đã thực hiện		Kinh phí chưa thực hiện		Ghi chú
			Vốn đối ứng của dân	Vốn Nhà nước	Vốn đối ứng của dân	Vốn Nhà nước	Vốn đối ứng của dân	Vốn Nhà nước	
1	Dự án khuyến nông năm 2019 “Khôi phục và phát triển cây sim bản địa phục vụ phát triển kinh tế xã Song An”	2019	102.625.000	240.000.000					Thực hiện Mô hình phát triển vang trồng sín với diện tích 2 ha: Trồng được 1,4 ha, còn lại diện tích 0,6 ha chưa trồng, các hộ cam kết tiếp tục đổi ủng vốn của dân khi có chủ trương cho tiếp tục triển khai dự án
2	Dự án hỗ trợ dê giống cho các hộ cận nghèo tại làng Pót – xã Song An năm 2020	2020	17.250.000	55.000.000	17.250.000	55.000.000			Mua 15 con dê hỗ trợ cho 3 hộ cận nghèo đồng bào dân tộc thiểu số
3	Dự án hỗ trợ con giống cho các hộ nghèo, cận nghèo tại làng Pót năm 2019	2019	42.000.000	220.000.000	42.000.000	220.000.000			Mua 14 con bò cái giống sinh sản hỗ trợ cho 01 hộ nghèo và 13 hộ cận nghèo
	Công giá trị		161.875.000	515.000.000	59.250.000	456.034.000	99.186.000		

DANH SÁCH TỔNG HỢP CÁC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN GIAI ĐOẠN NĂM 2017-2020
(Kèm theo Kết luận thanh tra số 02/KL-TTr ngày 23/7/2021 của Chánh Thanh tra thị xã)

Đơn vị tính: đồng

STT	Công trình	Năm khởi công	Tổng giá trị công trình	Huy động đóng góp	Giá trị đã thanh toán			Số còn lại chưa thanh toán	Ghi chú
					NS TW	NS tỉnh	NS xã		
1	Đường đi Bầu Âu thôn Thương An 3	2017	557.113.000	0	287.155.000			269.958.000	Thị ủy kiểm tra năm 2018
2	Đường từ đường BTXM thôn An Thương 2 đi bãi rác cũ	2017	389.006.000	0	212.683.000			176.323.000	Thị ủy kiểm tra năm 2018
3	Dài truyền Thanh không dây	2018	299.600.000		299.600.000				Thị ủy kiểm tra năm 2019
4	Đường đi đập Đất Khách	2018	706.000.000		600.000.000			106.000.000	Thị ủy kiểm tra năm 2019
5	Đường đi hồ Hòn Cỏ	2018	1.212.326.000		1.033.500.000			178.826.000	Thị ủy kiểm tra năm 2019
6	Nhà rộng làng Pott xã Song An	2018	225.000.000		220.000.000			5.000.000	Thị ủy kiểm tra năm 2019
7	Nhà rộng làng Pott xã Song An	2018	227.004.000		164.804.000			62.200.000	Thị ủy kiểm tra năm 2019
8	Sửa chữa đường đi làng Pott	2018	21.031.000		21.031.000			0	Thị ủy kiểm tra năm 2019
9	Sửa đường BTXM từ cổng thôn Thương An 3 đi nhà ông Phúc	2018	53.598.000		53.598.000			0	Thị ủy kiểm tra năm 2019

10	Sơn sửa nhà làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND xã, hội trường xã	2018	144.407.000	144.407.000			0	Thị ủy kiểm tra năm 2019	Thể hiện trong Báo cáo của Đoàn Kiểm tra 16/70 ngày 29/7/2019
11	Đường bê tông Miếu Xã	2019	180.218.000		135.695.000		11.538.000	32.985.000	Thị ủy kiểm tra năm 2019
12	Đập Đá Khách, hạng mục kênh mương (giai đoạn I)	2019	306.400.000	260.400.000			46.000.000		Thể hiện trong Thông báo 916-TB/TU
13	Đường đi dập Đá Khách (đoạn tiếp theo)	2019	433.600.000		368.600.000		65.000.000		
14	Đường đi hồ Hòn Cò (giai đoạn 2)	2019	555.300.000		472.000.000		83.300.000		
15	Đường nội đồng từ QL19 đi khu SX sau UBND xã	2019	300.000.000	29.636.000	255.000.000			15.364.000	
16	Đường nội đồng từ QL19 đi khu SX hướng Hòn Bình	2019	160.000.000	3.959.000	136.000.000			20.041.000	
17	Trường tiểu học Trần Phú, hạng mục sửa chữa các phòng học	2019	100.000.000		100.000.000				
18	Đường từ nhà ông Đoàn Hà Tiên đi nhà ông Đinh Yong	2019	225.000.000		220.000.000			5.000.000	
19	Đường từ nhà Nguyễn Thanh Lan đến nhà bà Nguyễn Thị Lan	2019	184.946.000		92.473.000			92.473.000	
20	Nghĩa trang nhân dân xã Song An	2019	291.335.000				247.635.000	43.700.000	
21	San mặt bằng sau chợ thôn Thương An 1	2019	36.664.000		36.664.000			0	Thị ủy kiểm tra năm 2019
22	Sửa chữa đường đi làng Pott (đoạn ngầm trần)	2019	26.524.000		26.524.000			0	Thể hiện trong Thông báo 916-TB/TU
23	Duy tu, sửa chữa hệ thống nước tự chảy làng Pott	2019	61.684.000		61.684.000			0	
24	Kênh BTXM hồ Hòn Cò	2020	590.000.000		501.500.000			88.500.000	
25	Kênh BTXM đập Bụng	2020	300.000.000		255.000.000			45.000.000	
26	Đường nội đồng từ QL 19 đi bến Trữ	2020	240.000.000		204.000.000			36.000.000	
27	Kênh BTXM đập Đất Khach (giai đoạn 2)	2020	524.000.000		445.400.000			78.600.000	
28	Đường từ nhà bà Đinh Thị Lót đi khu sản xuất	2020	541.754.000		10.835.000			530.919.000	
29	Đường từ nhà ông Đinh Phước đi khu sản xuất	2020	329.953.000		6.599.000			323.354.000	
30	Thủy lợi suối Tôm	2020	352.490.000		7.050.000			345.440.000	
31	Đường từ nhà ông Đinh Phước đi khu sản xuất	2020	80.000.000		2.000.000			78.000.000	
32	Đường từ nhà Ông Đinh Ghih đi nhà đình Soen	2020	145.000.000		3.000.000			12.000.000	
	Cộng giá trị		9.799.953.000	63.079.000	5.098.868.000	1.199.713.000	247.635.000	1.428.823.000	32.985.000



**BẢNG GIÁ TRỊ GIẢM TRỪ QUYẾT TOÁN CÁC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
GIAI ĐOẠN 2017-2020 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ SONG AN**

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 02/KL-TTr ngày 23/7/2021 của Chánh Thanh tra thị xã)

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên công tác	Giá trị quyết toán	Ngân sách TW	Ngân sách tĩnh	Huy động trong dân	Tổng giá trị chi sai, tăng chi phí đầu tư công trình	Giá trị chi sai thuộc nguồn vốn huy động trong dân (15%)	Giá trị chi sai thuộc nguồn vốn NSNN (85%)	Số phải thu hồi từ nhà thầu xây dựng (chưa trừ thuế)	Thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập 4,5%* (VL+M+NC)	Tổng số tiền phải thu hồi	Ghi chú
A	B	D	E	F	G	H	I=H-K	K=H*85%	L=H*85%	M	N=(I-K-M)	O
1	Đường nội đồng từ quốc lộ 19 đi khu sản xuất (phía sau UBND xã)	300.000.000	255.000.000		45.000.000	2.016.000	302.000	1.714.000	1.714.000		1.714.000	Đối với thuế giá trị gia tăng 3% và thuế thu nhập 1,5% chỉ áp dụng cho các công trình xây dựng từ năm 2020 trở đi, không áp dụng các công trình trước năm 2020
2	Đường nội đồng từ quốc lộ 19 đi khu sản xuất hướng Hòn Bình	160.000.000	136.000.000		24.000.000	800.000	120.000	680.000	680.000		680.000	
3	Kênh mương đập Hòn Cỏ	590.000.000	501.500.000		88.500.000	102.501.000	15.375.000	87.126.000	87.126.000	26.550.000	60.576.000	
4	Kênh mương đập Đất Khách (giai đoạn 1)	306.400.000	260.400.000		46.000.000	19.063.000	2.859.000	16.204.000	16.204.000		16.204.000	
5	Kênh mương đập Bụng	300.000.000	255.000.000		45.000.000	64.707.000	9.706.000	55.001.000	55.001.000	13.500.000	41.501.000	
6	Kênh mương đập Đất Khách (giai đoạn 2)	524.000.000		445.400.000	78.600.000	97.648.000	14.647.000	83.001.000	83.001.000	23.580.000	59.421.000	
7	Đường đi đập đất khách (đoạn tiếp theo)	433.600.000		368.600.000	65.000.000	9.659.000	1.449.000	8.210.000	8.210.000		8.210.000	
	Tổng cộng	2.614.000.000	1.407.900.000	814.000.000	392.100.000	296.394.000	44.458.000	251.936.000	251.936.000	63.630.000	188.306.000	

UBND THỊ XÃ AN KHÊ

THANH TRA THỊ XÃ

Phụ lục 6a

BẢNG GIÁ TRỊ GIẢM TRỪ QUYẾT TOÁN XÂY DỰNG

CÔNG TRÌNH : Đường nội đồng từ quốc lộ 19 đi khu sản xuất

HẠNG MỤC: nền, mặt đường và hệ thống thoát nước

STT	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHÓI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	HM1 AB.24143	Phản giảm trừ Lớp giấy dầu cách lý	m2	1.008,000	-2.000	-2.016.000
	TC	TỔNG CỘNG				-2.016.000

UBND THỊ XÃ AN KHÊ

THANH TRA THỊ XÃ

Phụ lục 6b

BẢNG GIÁ TRỊ GIẢM TRỪ QUYẾT TOÁN XÂY DỰNG

CÔNG TRÌNH : Đường nội đồng từ quốc lộ 19 đi khu sản xuất hướng Hòn Bình

HẠNG MỤC: nền, mặt đường và hệ thống thoát nước

STT	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	HM1 AB.24143	Phản giảm trừ Lớp giấy dầu cách lý	m2	400,160	-2.000	-800.320
	TC	TỔNG CỘNG (làm tròn)				-800.000



BẢNG GIÁ TRỊ GIẢM TRỪ QUYẾT TOÁN XÂY DỰNG

CÔNG TRÌNH : Kênh mương hồ Hòn Cỏ

HẠNG MỤC: Kiên cố kênh bê tông

STT	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
	HM1	Phần giảm trừ				-232.153.360
1	AB.24143	Đào xúc đất bằng máy đào 1,6m3, đất cấp III	100m3	-12,262	899.985	-11.035.616
2	AB.41433	Vận chuyển đất bằng ôtô tự đổ 10 tấn trong phạm vi <= 1000m, đất cấp III	100m3	-12,262	1.538.904	-18.870.041
3	AB.42133	Vận chuyển đất bằng ôtô tự đổ 10T 1km tiếp theo trong phạm vi 5km, đất cấp III	100m3/ km	-12,262	2.648.115	-32.471.186
4	AB.42233	Vận chuyển đất bằng ôtô tự đổ 10T 1km tiếp theo ngoài phạm vi 3km, đất cấp III	100m3/ km	-12,262	1.319.061	-16.174.326
5	AM.21021	Vận chuyển đất các loại bằng thủ công, cự ly vận chuyển 10m khởi điểm	m3	-1.226,169	19.072	-23.385.495
6	AM.21022	Vận chuyển đất các loại bằng thủ công, cự ly vận chuyển 10m tiếp theo	m3	-1.226,169	106.198	-130.216.695
	HM2	Phần cộng thêm				129.652.180
7	AB.24143	Đào xúc đất bằng máy đào 1,6m3, đất cấp III	100m3	10,832	899.985	9.748.638
8	AM.23211	Vận chuyển đất bằng ôtô tự đổ 7T, cự ly vận chuyển 1km (đường loại 4)	10m3	108,320	65.226	7.065.261
9	AM.23222	Vận chuyển đất bằng ôtô tự đổ 10T, cự ly vận chuyển 2km (3km đường loại 5 và 1km đường loại 4)	10m3	108,320	222.475	24.098.530
10	AM.21021	Vận chuyển đất các loại bằng thủ công, cự ly vận chuyển 10m khởi điểm	m3	1.083,200	19.072	20.658.790
11	AM.21022	Vận chuyển đất các loại bằng thủ công, cự ly vận chuyển 10m tiếp theo (phạm vi 290m)	m3	1.083,200	62.852	68.080.961
	TC	TỔNG CỘNG				-102.501.000

UBND THỊ XÃ AN KHÊ

THANH TRA THỊ XÃ



Phụ lục 6d

BẢNG GIÁ TRỊ GIẢM TRỪ QUYẾT TOÁN**CÔNG TRÌNH: Kênh mương đập Đất Khách (giai đoạn 1)**

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Phần giảm trừ quyết toán				-56.126.736
1	Gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn	100m2	-4,1440	9.395.403	-38.934.550
2	Ván khuôn móng dài	100m2	-3,5000	4.912.053	-17.192.186
II	Phần tính lại định mức (cộng vào)				37.064.006
3	Ván khuôn kênh mương	100m2	7,6440	4.848.771	37.064.006
	Tổng cộng (I+II)				-19.062.730
	Làm tròn giảm trừ quyết toán				-19.063.000

BẢNG GIÁ TRỊ GIẢM TRỪ QUYẾT TOÁN XÂY DỰNG

CÔNG TRÌNH : Kênh mương đậm Đất Khách (giai đoạn 2)

HẠNG MỤC: Kiên cố kênh bê tông

STT	MÃ HIỆU DON GIÁ	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHÓI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
	HM1	Phần giảm trừ				-216.683.668
1	AB.24143	Đào xúc đất bằng máy đào 1,6m3, đất cấp III	100m3	-11,445	899.985	-10.300.328
2	AB.41433	Vận chuyển đất bằng ôtô tự đổ 10 tấn trong phạm vi <= 1000m, đất cấp III	100m3	-11,445	1.538.904	-17.612.756
3	AB.42133	Vận chuyển đất bằng ôtô tự đổ 10T 1km tiếp theo trong phạm vi 5km, đất cấp III	100m3/ km	-11,445	2.648.115	-30.307.676
4	AB.42233	Vận chuyển đất bằng ôtô tự đổ 10T 1km tiếp theo ngoài phạm vi 3km, đất cấp III	100m3/ km	-11,445	1.319.061	-15.096.653
5	AM.21021	Vận chuyển đất các loại bằng thủ công, cự ly vận chuyển 10m khởi điểm	m3	-1.144,458	19.072	-21.827.103
6	AM.21022	Vận chuyển đất các loại bằng thủ công, cự ly vận chuyển 10m tiếp theo	m3	-1.144,458	106.198	-121.539.151
	HM2	Phần cộng thêm				119.035.351
7	AB.24143	Đào xúc đất bằng máy đào 1,6m3, đất cấp III	100m3	9,945	899.985	8.950.351
8	AM.23211	Vận chuyển đất bằng ôtô tự đổ 7T, cự ly vận chuyển 1km (đường loại 4)	10m3	99,450	65.226	6.486.708
9	AM.23222	Vận chuyển đất bằng ôtô tự đổ 10T, cự ly vận chuyển 2km (3km đường loại 5 và 1km đường loại 4)	10m3	99,450	222.475	22.125.173
10	AM.21021	Vận chuyển đất các loại bằng thủ công, cự ly vận chuyển 10m khởi điểm	m3	994,500	19.072	18.967.104
11	AM.21022	Vận chuyển đất các loại bằng thủ công, cự ly vận chuyển 10m tiếp theo (phạm vi 290m)	m3	994,500	62.852	62.506.016
	TC	TỔNG CỘNG				-97.648.000



BẢNG GIÁ TRỊ GIẢM TRỪ QUYẾT TOÁN XÂY DỰNG

CÔNG TRÌNH : Kênh mương đập Bụng
HẠNG MỤC: Kiên cố kênh bê tông

STT	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHÓI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
	HM1	Phản giảm trừ				-100.942.346
1	AB.24143	Đào xúc đất bằng máy đào 1,6m3, đất cấp III	100m3	-6,555	899.985	-5.899.402
2	AB.41433	Vận chuyển đất bằng ôtô tự đổ 10 tấn trong phạm vi <= 1000m, đất cấp III	100m3	-6,555	1.538.904	-10.087.516
3	AB.42233	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 10T 1km tiếp theo ngoài phạm vi 4km, đất cấp III	100m3/km	-6,555	1.758.748	-11.528.593
4	AM.21021	Vận chuyển đất các loại bằng thủ công, cự ly vận chuyển 10m khởi điểm	m3	-655,544	20.621	-13.517.911
5	AM.21022	Vận chuyển đất các loại bằng thủ công, cự ly vận chuyển 10m tiếp theo	m3	-655,544	91.388	-59.908.924
	HM2	Phả cộng thêm				36.235.435
7	AM.23211	Vận chuyển đất bằng ôtô tự đổ 7T, cự ly vận chuyển 1km (đường loại 4)	10m3	53,690	65.226	3.501.974
8	AM.23222	Vận chuyển đất bằng ôtô tự đổ 10T, cự ly vận chuyển 2km (1km đường loại 5 và 1km đường loại 5)	10m3	53,690	104.694	5.621.036
9	AM.21021	Vận chuyển đất các loại bằng thủ công, cự ly vận chuyển 10m khởi điểm	m3	536,900	19.072	10.239.886
10	AM.21022	Vận chuyển đất các loại bằng thủ công, cự ly vận chuyển 10m tiếp theo	m3	536,900	31.426	16.872.539
	TC	TỔNG CỘNG				-64.707.000

UBND THỊ XÃ AN KHÊ

THANH TRA THỊ XÃ

Phụ lục 6g

BẢNG GIÁ TRỊ GIẢM TRỪ QUYẾT TOÁN

CÔNG TRÌNH: Kênh mương đập Đất Khách (giai đoạn 1)

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Gỗ chèn khe co, giãn	m2	-0,7440	8.636.363	-6.425.454
2	Nhựa đường chèn khe	kg	-196,0000	16.500	-3.234.000
	Làm tròn giảm trừ quyết toán				-9.659.000